ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II – GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

BÀI 15: TÒA ÁN NHÂN DÂN VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

I. Lý thuyết

1. Chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a. Chức năng của Tòa án nhân dân

- Toà án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

b. Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Toà án bao gồm Toà án nhân dân và Toà án quân sự.
- Tòa án nhân dân chia thành 4 cấp: Tối cao, Cấp cao,Tỉnh (tương đương), Huyện (tương đương)
- Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân:

+ Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân tối cao: Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Bộ máy giúp việc; Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

+ Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân cấp cao: Uỷ ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao, Toà hình sự, Toà dân sự, Toà hành chính, Toà kinh tế, Toà lao động, Toà gia đình và người chưa thành niên, các Toà chuyên trách khác theo quy định của pháp luật. Bộ máy giúp việc.

+ Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân cấp tỉnh và tương đương: Uỷ ban Thẩm phán, Tòa hình sự, Toà dân sự, Toà hành chính, Toà kinh tế, Toà lao động. Toà gia đình và người chưa thành niên, các Toà chuyên trách khác theo quy định của pháp luật, Bộ máy giúp việc

+ Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương: có thể có Toà hình sự, Toà dân sự, Toà gia đình và người chưa thành niên, Toà xử lí hành chính, các toà chuyên trách theo quy định pháp luật và bộ máy giúp việc.

+ Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương: có thể có Toà hình sự, Toà dân sự, Toà gia đình và người chưa thành niên, Toà xử lí hành chính, các toà chuyên trách theo quy định pháp luật và bộ máy giúp việc.

c. Nguyên tắc hoạt động của Toà án nhân dân

Toà án nhân dân hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất, có sự phân công, phân cấp quản lí.

2. Chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a. Chức năng của Viện kiểm sát nhân dân

- Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

b. Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Viện kiểm sát bao gồm Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự.
- Viện kiểm sát nhân dân chia thành 4 cấp: Tối cao, Cấp cao,Tỉnh (tương đương), Huyện (tương đương).
- Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân:

+ Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao gồm có: Uỷ ban kiểm sát; Văn phòng; Cơ quan điều tra; các cục, vụ, viện, và tương đương; các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan báo chí và các đơn vị sự nghiệp công lập khác; Viện kiểm sát quân sự trung ương,… Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng; Kiểm sát viên; Thủ trưởng, các Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra; Điều tra viên; công chức khác, viên chức và người lao động khác.

+ Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao gồm có: Uỷ ban kiểm sát; Văn phòng; Các viện và tương đương. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức khác và người lao động khác

+ Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gồm có: Uỷ ban Kiểm sát; Văn phòng; Các phòng và tương đương.

+ Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện gồm có: văn phòng và các phòng hoặc các bộ phận công tác và bộ máy giúp việc.

c. Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân

Nguyên tắc hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam: tập trung, thống nhất có sự phân công, phân cấp quản lí.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Toà án nhân dân là cơ quan xét xử của nước ta và thực hiện quyền

A. Tư pháp **B.** Lập pháp

C. Hành pháp **D.** Chỉ để xử lý dân sự

Câu 2: Đây là cơ quan tiến hành xét xử các vụ án các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính đề bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, là thẩm quyền của cơ quan nào dưới đây?

A. Tòa án nhân dân. **B.** Viện kiểm sát nhân dân.

C. Hội đồng nhân dân. **D.** Ủy ban nhân dân.

Câu 3: Trong quá trình xét xử các vụ án, tòa án nhân dân làm việc độc lập và chỉ

A. tuân theo pháp luật. **B.** tuân theo chánh án chỉ đạo.

C. tuân theo Chủ tịch nước. **D.** Tuân theo Quốc hội.

Câu 4: Khởi tố vụ án là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

A. Viện kiểm sát nhân dân. **B.** Tòa án nhân dân.

C. Ủy ban nhân dân. **D.** Hội đồng nhân dân.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, việc các cơ quan tư pháp tiến hành buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước tòa bằng cách công bố bản cáo trạng là thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố. **B.** Kiểm tra hoạt động tư pháp.

C. Kiểm tra hành chính nhà nước. **D.** Thực hành quyền hành pháp.

Câu 6: Chức năng chính của Tòa án nhân dân là gì?

A. Bảo vệ quyền con người và quyền công dân.

B. Giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp.

C. Thực hiện quyền tư pháp, xét xử các vụ án.

D. Đưa ra chính sách pháp luật.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, về mặt tổ chức, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo thống nhất của viện trưởng viện kiểm sát nhân dân

A. cấp tỉnh. **B.** tối cao. **C.** khu vực. **D.** quân khu.

Câu 8: Chánh án tòa án nhân dân tối cao do cơ quan nào bầu hoặc phê chuẩn?

A. Quốc hội. **B.** Chính phủ. **C.** Tòa án. **D.** Viện kiểm sát

Câu 9: Phát biểu nào dưới đây là sai về chức năng của Viện kiểm sát?

A. Viện kiểm sát có chức năng xét xử các vụ án.

B. Viện kiểm sát có chức năng thực hành quyền công tố.

C. Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động tư pháp.

D. Viện kiểm sát là cơ quan có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật.

Câu 10: Phát biểu nào dưới đây là sai về nhiệm vụ của Tòa án nhân dân?

A. Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ pháp luật.

B. Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công lý.

C. Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm bảo vệ quyền con người.

D. Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm kiểm sát hoạt động tư pháp.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: *Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai:*

Viện Kiểm sát nhân dân do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp trên. Viện trưởng các Viện Kiểm sát cấp dưới chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Viện kiểm sát cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, xử lí nghiêm minh vi phạm pháp luật của Viện Kiểm sát cấp dưới. Viện trưởng Viện Kiểm sát cấp trên có quyền rút, đình chỉ, huỷ bỏ quyết định trái pháp luật của Viện trưởng Viện Kiểm sát cấp dưới.

A. Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan ngang Bộ và trực thuộc Chính phủ.

B. Viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

C. Viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân các cấp do Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao phê chuẩn.

D. Viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân tối cao có thể đình chỉ quyết định của Viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân cấp dưới.

Câu 2: *Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai:*

Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Bằng hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

a) Việc phân chia thành Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác là căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mỗi tòa án.

b) Chức năng xét xử của tòa án gắn liền với hoạt động công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

c) Thông qua hoạt động xét xử công bằng đúng pháp luật, tòa án góp phần bảo vệ công lý và quyền con người.

d) Tòa án nhân dân là cơ quan chuyên môn thuộc Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

BÀI 16: CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

1. Hội đồng nhân dân

a. Chức năng của Hội đồng nhân dân

- Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định
- Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

b. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân

+ Các đại biểu Hội đồng nhân dân

+ Thường trực Hội đồng nhân dân: gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên

+ Các Ban của Hội đồng nhân dân: gồm các Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

c. Hoạt động của Hội đồng nhân dân

- Kỳ họp là hình thức hoạt động quan trọng nhất của HĐND. HĐND họp thường lệ mỗi năm ít nhất 2 kỳ. HĐND họp công khai. HĐND quyết định các vấn đề tại phiên họp bằng hình thức biểu quyết, quyết định theo đa số.

- Hoạt động của HĐND thể hiện nguyên tắc: tập trung dân chủ của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Ủy ban nhân dân

a. Chức năng của Ủy ban nhân dân

- Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương
- Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

b. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân

- Ủy ban nhân dân gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên. và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tổ chức ở cấp tỉnh, cấp huyện.
- Phó chủ tịch UBND các cấp do Chính phủ quy định.
- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh gồm có các Sở và cơ quan tương đương Sở.
- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp Huyện gồm có các phòng và cơ quan tương đương phòng.

c. Hoạt động của Ủy ban nhân dân

- UBND hoạt động theo chế độ tập thể UBND, kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch UBND.
- UBND họp thường kỳ mỗi tháng 1 lần.
- UBND quyết định các vấn đề bằng hình thức biểu quyết, quyết định đa số.
- Hoạt động của UBND thể hiện nguyên tắc: tập trung dân chủ (phát huy vai trò tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân) của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Trách nhiệm công dân trong bảo vệ, xây dựng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

- Những hành động mà đoàn viên, thanh niên có thể tham gia bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện chính quyền địa phương:

+ Tuân thủ pháp luật của Nhà nước và các văn bản quản lý của chính quyền địa phương về an ninh, trật tự, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục,…

+ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở địa phương mình.

+ Có ý thức tham gia vào công việc quản lý nhà nước ở địa phương phù hợp với lứa tuổi.

+ Tích cực tuyên truyền, vận động mọi người tham gia bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện chính quyền địa phương.

+ Đấu tranh, phê phán những hành vi chống phá Nhà nước ở địa phương.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Hội đồng nhân dân là

A. cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. **B.** cơ quan lãnh đạo ở địa phương.

C. cơ quan hành chính ở địa phương. **D.** cơ quan giám sát ở địa phương.

Câu 2: Hội đồng nhân dân được thành lập thông qua

A. bầu cử, ứng cử. **B.** mệnh lệnh cấp trên.

C. phân bổ quyền lực. **D.** đặc trưng vùng miền.

Câu 3: Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và

A. lãnh đạo địa phương. **B.** cơ quan cấp trên.

C. người đứng đầu địa phương. **D.** đoàn thể ở địa phương

Câu 4: HĐND gồm các đại biểu HĐND do ai bầu ra?

A. Cử tri ở địa phương bầu ra. **B.** Quốc hội bầu ra.

C. Chính phủ bầu ra. **D.** Viện kiểm sát bầu ra.

Câu 5: Hội đồng nhân dân địa phương **không** có thẩm quyền quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

A. Giám sát tối cao hoạt động của Quốc hội.

B. Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân.

C. Giám sát hoạt động của cơ quan hành chính.

D. Giám sát vấn về an sinh xã hội tại địa bàn.

Câu 6: Cơ quan thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân là

A. Hội đồng nhân dân. **B.** Ủy ban nhân dân.

C. Đoàn thanh niên. **D.** Thường trực hội đồng nhân dân

Câu 7: Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương là

A. Hội đồng nhân dân. **B.** Ủy ban nhân dân.

C. Mặt trận tổ quốc. **D.** Tòa án nhân dân.

Câu 8: Uỷ ban nhân dân có chức năng:

A. Quyết định các vấn đề của địa phương do luật định.

B. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

C. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương.

D. Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Câu 9: Cơ quan nào sau đây do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra?

A. Ủy ban nhân dân. **B.** Viện kiểm sát nhân dân.

C. Hội đồng nhân dân. **D.** Toà án nhân dân.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây là sai về vị trí, chức năng của Hội đồng nhân dân?

A. Hội đồng nhân dân giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương.

B. Hội đồng nhân dân có chức năng thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

C. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương theo luật định.

D. Hội đồng nhân dân quyết định nhân sự để trình Đại hội Đảng cùng cấp.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: *Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai:*

Kì họp thứ 15 của Hội đồng nhân dân thành phố X diễn ra từ ngày 6-7 đến 7-7 - 2020. Tại kì họp này, Hội đồng nhân dân thành phố đã xem xét về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng 6 tháng đầu năm; quyết định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, thu, chi, ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 của thành phố X; xem xét, quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố. Cũng tại kỳ họp, Hội đồng nhân dân đã lắng nghe Thường trực Ủy ban nhân dân báo cáo làm rõ một số nội dung cơ bản liên quan đến chính sách giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh và chính sách miễn, giảm học phí đối với học sinh trung học phổ thông.

A. Kỳ họp là hình thức hoạt động duy nhất của Hội đồng nhân dân.

B. Hội đồng nhân dân trình Ủy ban nhân dân ra nghị quyết các vấn đề quan trọng.

C. Chấp hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh là trách nhiệm đương nhiên của Ủy ban nhân dân tỉnh.

D. Trong hoạt động của mình, Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm chấp hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Câu 2: *Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai:*

Uỷ ban nhân dân là cơ quan hành chính thuộc bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là cơ quan thực thi pháp luật tại các cấp tỉnh, huyện và xã. Các chức danh của Uỷ ban nhân dân được Hội đồng nhân dân cấp tương ứng bầu ra và có nhiệm kì trùng với nhiệm kì của Hội đồng nhân dân. Uỷ ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực

hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao. Uỷ ban nhân dân các cấp có các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định cụ thể, phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng địa phương trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan hành chính cao nhất ở địa phương

B. Khi hội đồng nhân dân cùng cấp hết nhiệm kỳ thì chủ tịch Ủy ban nhân dân vẫn đảm nhiệm nhiệm vụ đến khi bầu ra Chủ tịch mới là phù hợp.

C. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân cấp nào do Hội đồng nhân dân cấp đó quyết định và phù hợp với Luật tổ chức chính quyền địa phương.

D. Ủy ban nhân dân ngoài việc thực hiện nhiệm vụ do hội đồng nhân dân cùng cấp giao còn phải thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao.

BÀI 17: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

1. Khái niệm pháp luật

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực của Nhà nước.

2. Các đặc điểm của pháp luật (các đặc trưng của pháp luật).

Pháp luật có các đặc điểm sau:

+ Tính quy phạm phổ biến: Pháp luật là những quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, chuẩn mực chung cho hành vi; được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, trong phạm vi hiệu lực mà nó tác động đến với nhiều đối tượng(đối với tất cả mọi người)

+ Tính quyền lực, bắt buộc chung:

- pháp luật do Nhà nước ban hành và được bảo đảm bằng sức mạnh quyền lực của quyền lực Nhà nước.
- Pháp luật có tính bắt buộc tức là quy định bắt buộc đối với tất cả mọi tổ chức, cá nhân đều phải thực hiện theo đúng pháp luật, nếu vi phạm sẽ bị xử lí nghiêm minh.

+ Tính xác định chặt chẽ về hình thức:

- Hình thức thể hiện của pháp luật là các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- Việc ban hành các văn bản QPPL được quy định chặt chẽ trong Hiến Pháp và luật Ban hành các văn bản QPPL.
- Nội dung văn bản do cơ quan Nhà nước cấp dưới ban hành (có hiệu lực pháp lý thấp hơn) không được trái với nội dung của văn bản do cơ quan cấp trên ban hành (có hiệu lực pháp lý cao hơn).

Tất cả các văn bản QPPL đều phải phù hợp và không được trái với Hiến pháp.

3. Vai trò của pháp luật

a. Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.

- Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội theo ý chí của Nhà nước nhằm ổn định trật tự, bảo đảm sự phát trển bền vững của xã hội.
- là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Nhà nước.

b. pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện quyền và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

- Pháp luật xác lập, ghi nhận quyền của công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Pháp luật tạo cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính chặt chẽ về hình thức.

B. Tính kỉ luật nghiêm minh.

C. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 2: Bất kì ai trong điều kiện hoàn cảnh nhất định cũng phải xử xự theo khuôn mẫu được pháp luật quy định phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

A. Tính cưỡng chế. **B.** Tính quyền lực bắt buộc chung.

C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. **D.** Tính quy phạm phổ biến.

Câu 3: Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

A. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

B. Bảo vệ quyền, lợi ích tuyệt đối của công dân.

C. Cưỡng chế mọi nghĩa vụ của công dân.

D. Bảo vệ mọi nhu cầu, lợi ích của công dân.

Câu 4: Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ

A. lợi ích kinh tế của mình. **B.** quyền và nghĩa vụ của mình.

C. các quyền của mình. **D.** quyền và lợi ích hợp pháp của mình

Câu 5: Pháp luật là phương tiện để Nhà nước

A. bảo vệ các giai cấp. **B.** bảo vệ các công dân.

C. quản lí xã hội. **D.** quản lí công dân.

Câu 6: Pháp luật được đảm bảo thực hiện bằng

A. quyền lực nhà nước. **B.** quyền lực nhân dân.

C. quyền lực xã hội. **D.** quyền lực chính trị.

Câu 7: Văn bản đòi hỏi diễn đạt phải chính xác, một nghĩa để công dân hiểu và thực hiện đúng pháp luật là phản ảnh đặc điểm cơ bản nào?

A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. **B.** Tính quyền lực, bắt buộc chung .

C. Tính xác định chặt chẽ về nội dung. **D.** Tính quy phạm phổ biến.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây là sai về vai trò quản lý xã hội của pháp luật?

A. Pháp luật đảm bảo tính công bằng dân chủ.

B. Pháp luật có tính phổ biến, bắt buộc chung.

C. Pháp luật bảo đảm phù hợp với lợi ích chung.

D. Pháp luật có nội dung cố định và không điều chỉnh.

Câu 9: Phát biểu nào dưới đây là sai về vai trò của pháp luật?

A. Quản lý xã hội bằng pháp luật bảo đảm tính công bằng, dân chủ.

B. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lý xã hội.

C. Pháp luật được bảo đảm bằng sức mạnh quyền lực của nhà nước.

D. Nhà nước quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật.

Câu 10: Nhà nước Việt Nam quản lí xã hội bằng phương tiện nào sau đây?

A. Pháp luật. **B.** Kinh tế. **C.** Chính trị. **D.** Đạo đức.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: *Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:*

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc phát hiện có dấu hiệu vi phạm trong hoạt động chế biến thực phẩm tại nhà hàng X do bà H làm chủ. Ông D cán bộ cơ quan có thẩm quyền đã thành lập đoàn thanh tra đột xuất đối với toàn bộ quy trình chế biến và tiêu thụ tại cửa hàng của bà H. Trong quá trình thanh tra, cơ quan chức năng đã phát hiện bà H chủ nhà hàng X có hành vi sử dụng một số thực phẩm không có nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm đã hết hạn sử dụng để chế biến thực phẩm cho khác hàng dẫn đến một khách hàng là anh M bị ngộ độc phải nhập viện điều trị nhiều ngày. Ngay sau đó ông D đã tiến hành lập biên bản xử phạt và thu hồi giấy phép kinh doanh của bà H

A. Bà H không phải là chủ thể sản xuất nên không có nghĩa vụ phải chấp hành các quy định của pháp luật.

B. Ông D đã làm tốt vai trò là chủ thể nhà nước trong việc quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh.

C. Việc xử phạt của cơ quan chức năng thể hiện tính quy phạm phổ biến của pháp luật?

D. Anh M có quyền khởi kiện để yêu cầu bà H phải bồi thường thiệt hại cho bản thân mình.

Câu 2: *Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:*

Nhà máy xi măng A đặt tại xã A, huyện B, tỉnh C đã đi vào hoạt động được hơn 1 năm. Thời gian gần đây, chính quyền tỉnh C nhận được nhiều đơn phản ánh của nhân dân về việc nhà máy thải khói bụi gây ảnh hưởng xấu cho môi trường và sức khoẻ của người dân. Sau khi nhận được đơn phản ánh, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã chuyển vụ việc cho Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra và kết luận: hệ thống xử lí khí thải của nhà máy không đạt tiêu chuẩn theo quy định; nhà máy không tuân thủ yêu cầu báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt. Căn cứ vào quy định của pháp luật, cơ quan chức năng đã tiến hành xử phạt và yêu cầu nhà máy tạm ngừng sản xuất để khắc phục những tồn tại cũng như xem xét trách nhiệm bồi thường cho người dân bị ảnh hưởng.

A. Nhà máy A đã không thể hiện đúng trách nhiệm xã hội của chủ thể sản xuất.

B. Việc người dân phản ánh đến cơ quan chức năng là thể hiện vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội

C. Hình thức xử phạt và yêu cầu khắc phục hậu quả là thể hiện tính xác định chặt chẽ về hình thức của pháp luật.

D. Hình thức xử phạt và yêu cầu khắc phục hậu quả phản ánh vai trò quản lý xã hội của pháp luật